TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-9-2017
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Minh Nhẫn.
2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 145/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/7/2017, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lâm Mỹ L; Sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn Giang; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/6/2017, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 01/8/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Lâm Mỹ L trình bày như sau: Vào năm 2011, bà Lâm Mỹ L và ông Đoàn Văn G tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 264/2011 ngày 06/11/2011. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà L, ông G hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, đến tháng 01/2015 vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng bà L, ông G có một người con chung là Đoàn Gia A, sinh ngày 06/12/2012, hiện nay cháu A sống chung với bà L. Vợ chồng bà L, ông G không có tài sản chung và nợ chung. Hiện nay, bà L làm nghề buôn bán có thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông G. Về con chung, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành

niên và không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Đoàn Văn G nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông G đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông G về vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Lâm Mỹ L, ông Đoàn Văn G không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L cho vợ chồng bà L, ông G ly hôn. Về con chung, xét yêu cầu của bà L là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên của bà L, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng Đoàn Gia A đến khi thành niên. Về cấp dưỡng cho con chung, do bà L không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho cháu A, đề nghị Hội đồng xét xử không buộc ông G phải cấp dưỡng cho cháu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Lâm Mỹ L lập ngày 22/6/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà L nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà L và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/6/2017, bà Lâm Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đoàn Văn G có nơi cư trú tại ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Đoàn Văn G vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Lâm Mỹ L:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Mỹ L, sinh năm 1988 và ông Đoàn Văn G, sinh năm 1985 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 264/2011 ngày 06/11/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông G là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà L, ông G chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2015 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà L, ông G đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông G vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà L, ông G đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà L xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung:

[8] Bà Lâm Mỹ L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét lời trình bày của bà L xác định vợ chồng bà L, ông G có con chung là Đoàn Gia A, sinh ngày 06/12/2012 là phù hợp với Giấy khai sinh số 08 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà L là phù hợp với điều kiện thực tế cần ổn định cuộc sống của cháu A và phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà L. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Gia A cho bà Lâm Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lâm Mỹ L xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Đoàn Gia A nên không yêu cầu ông Đoàn Văn G cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông G cấp dưỡng cho cháu Anh.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lâm Mỹ L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Đoàn Văn G vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Đoàn Văn G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Mỹ L và ông Đoàn Văn G được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Lâm Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Lâm Mỹ L và ông Đoàn Văn G là Đoàn Gia A, sinh ngày 06/12/2012 đến khi thành niên (hiện nay, cháu Đoàn Gia A sống chung với bà Lâm Mỹ L).

- Ông Đoàn Văn G không phải cấp dưỡng cho Đoàn Gia A.

- Ông Đoàn Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom Đoàn Gia A mà không ai được cản trở. Ông Đoàn Văn G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đoàn Gia A của bà Lâm Mỹ L.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Mỹ L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006397 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Đoàn Văn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Đoàn Văn G vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Đoàn Văn G.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ